

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NAM TỪ LIÊM  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2020/DS-ST**

Ngày: 30/6/2020

V/v: Tranh chấp phát sinh từ hợp  
đồng sử dụng thẻ tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lập

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quốc Sơn;  
2. Bà Trần Thị Oanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Tâm – Cán bộ tòa  
án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa:  
Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2020 Tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ  
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2019/TLST- DS ngày 05/7/2019 về  
việc “ Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định  
đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-DS ngày 15/5/2020, Quyết định hoãn  
phiên tòa số: 60/2020/QĐST-DS ngày 05/6/2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S**

Trụ sở: Lầu 8, số 266-268 N.K.K.N, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí  
Minh. Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Lan A, chức vụ: Trưởng phòng  
kiểm soát rủi ro chi nhánh Từ Liêm (Theo Giấy ủy quyền số 394 ngày  
20/3/2019) (*Có mặt*).

**Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1990**

Địa chỉ: Phòng 503, nhà A, Chung cư Z, Bô T- Bộ Q, N.M, phường M 1,  
quận N, thành phố Hà Nội. (*Vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Ngân hàng TMCP  
S và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên  
đơn bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:***

Ngày 27/02/2017, chị T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ Tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của chị T, Ngân hàng đã đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng (Gồm thẻ Visa Credit Gold 472075-6543, thẻ JCB Car Card Gold 356481-6075) với hạn mức sử dụng là 99.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 1.442.467.100 đồng (Thẻ Visa Credit Gold 472075-6543 là 1426.791.100 đồng, thẻ JCB Car Card Gold 356481-6075 là 15.676.000 đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay chị T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.353.909.000 đồng (Trong đó thẻ Visa Credit Gold 472075-6543 là 1.344.539.000 đồng, thẻ JCB Car Card Gold 356481-6075 là 9.370.000 đồng). Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, thông báo nhưng chị T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chị T. Cụ thể thẻ Visa Credit Gold 472075-6543 ngày 01/12/2018, thẻ JCB Car Card Gold 356481-6075 ngày 01/01/2019 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 05/6/2020, chị T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 174.628.059 đồng, cụ thể: Thẻ Visa Credit Gold 472075-6543, nợ tổng số tiền: 157.428.593 đồng, trong đó: nợ gốc: 98.733.726 đồng, nợ lãi: 58.694.867 đồng. Thẻ JCB Car Card Gold 356481-6075, nợ tổng số tiền: 17.199.466 đồng, trong đó: nợ gốc: 10.431.706 đồng, nợ lãi: 6.767.760 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu chị T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên chị T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề sau: Buộc chị Nguyễn Thị Thu T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/6/2020 là: 174.628.059 đồng (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tư triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn không trăm năm mươi chín đồng), trong đó; Nợ gốc: 109.165.432 đồng, lãi quá hạn: 58.694.867 đồng; Và chị T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/7/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

**Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T:** Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc chị T phải trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử tổng cộng số tiền là: 177.488.355 đồng, trong đó, nợ gốc: 109.165.432 đồng, nợ lãi: 68.322.932 đồng. Thẻ Visa Credit Gold 472075-6543, nợ tổng số tiền: 159.975.929 đồng, trong đó: nợ gốc: 98.733.726 đồng, nợ lãi: 61.242.203 đồng.

Thẻ JCB Car Card Gold 356481-6075, nợ tổng số tiền: 17.512.426 đồng, trong đó: nợ gốc: 10.431.706 đồng, nợ lãi: 7.080.720 đồng

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T vắng mặt lần thứ hai và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T trả nợ tiền vay. Căn cứ vào Đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/02/2017 thì giữa Ngân hàng và chị Nguyễn Thị Thu T đã xác lập quan hệ tín dụng vay tài sản, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân. Do đó, việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu T trả nợ số tiền vay và nợ thẻ tín dụng gồm nợ gốc và nợ lãi còn thiếu đây là vụ án dân sự “Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”. Hiện chị T đang thực tế sinh sống tại địa chỉ: Phòng 503, nhà A, Chung cư Z, Bộ T- Bộ Q, N.M, phường M 1, quận N, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền: 177.488.355 đồng, trong đó, nợ gốc: 109.165.432 đồng, nợ lãi: 68.322.932 đồng. Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/02/2017, sao kê tài khoản do Ngân hàng cung cấp và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định giữa chị Nguyễn Thị Thu T và Ngân hàng có quan hệ vay tiền qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 90; 91; 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận. Buộc chị Nguyễn Thị Thu T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền: 177.488.355 đồng, trong đó, nợ gốc: 109.165.432 đồng, nợ lãi: 68.322.932 đồng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 220; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 90; Điều 91; Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 463; Điều 468 của Bộ luật dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền: 177.488.355 đồng, trong đó: nợ gốc: 109.165.432 đồng, nợ lãi: 68.322.932 đồng (Đối với Hợp đồng sử dụng thẻ Visa Credit Gold 472075-6543 mở ngày 27/02/2017 gồm nợ gốc: 98.733.726 đồng, nợ lãi: 61.242.203 đồng. Hợp đồng sử dụng thẻ JCB Car Card Gold 356481-6075 mở ngày 27/02/2017, gồm nợ gốc: 10.431.706 đồng, nợ lãi: 7.080.720 đồng).

Kể từ ngày 01/7/2020, chị Nguyễn Thị Thu T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 8.874.418 (Bằng chữ: Tám triệu tám trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm mười tám đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp là: 3.025.000 (Bằng chữ: Ba triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008614 ngày 01/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND Quận Nam Từ Liêm;
- THA DS Quận N;
- Các đương sự;
- Lưu HS+ VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(ĐÃ KÝ)

**Nguyễn Trung Lập**

